

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NAM HỌC DÀNH CHO HỌC SINH VIỆT NAM HỌC Ở CÁC TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN - Học viện Quản lý Giáo dục
PGS.TS. NGUYỄN THỊ HẠNH - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Quan niệm về chương trình (CT) giáo dục

Trong Luật Giáo dục năm 2005 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, CT giáo dục phổ thông (GDPT) được quy định: "CT GDPT thể hiện mục tiêu giáo dục, quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung GDPT, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học của GDPT" [1].

CT giáo dục có thể được hiểu là sự trình bày hệ thống một kế hoạch tổng thể các hoạt động giáo dục trong một thời gian xác định. CT giáo dục nêu lên các mục tiêu học tập mà người học cần đạt được; xác định rõ phạm vi, mức độ, nội dung học tập, các phương pháp, phương tiện, cách thức tổ chức học tập và việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục [2].

2. CT giáo dục theo tiếp cận năng lực (TCNL)

Cách thiết kế CT giáo dục theo TCNL là lấy kết quả đầu ra cần đạt làm điểm bắt đầu để từ kết quả này có thể xác định, lựa chọn nội dung học tập, lựa chọn cách đánh giá kết quả năng lực (NL), cách tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh (HS). Theo tiếp cận NL, CT xác định các NL cần học tập mà người học cần đạt được; xác định rõ vai trò của xã hội của người học là mục tiêu, là nguyên tắc tổ chức nội dung và nguyên tắc đánh giá kết quả học tập, chọn phương pháp dạy học.

Do việc hình thành, phát triển các NL đòi hỏi sự vận dụng phối hợp các kiến thức, kĩ năng, ... nên TCNL chú ý tới tính tổng thể, tính tích hợp (có thể qua tích hợp môn học, qua xây dựng các chủ đề học tập rộng gắn với những vấn đề thực tiễn, ...). Logic nội dung ở mỗi môn học/linh vực học tập bao gồm: logic của các hoạt động học tập của HS để hình thành và phát triển NL, logic của khoa học bộ môn. Vai trò của kiến thức, kĩ năng trong TCNL cũng thay đổi: chúng không phải là mục tiêu giáo dục mà là những phương tiện để HS được trong hoạt động phát triển NL.

CT môn Việt Nam học được thiết kế theo định hướng tập trung vào phát triển NL văn hóa mang bản sắc Việt Nam cho HS. Logic nội dung của môn học này phải đảm bảo logic để hình thành và phát triển NL. Nội dung môn học bao gồm nhiều mạch, ở mỗi mạch có nhiều chủ đề học tập. Trong mỗi chủ đề có những kiến thức cơ bản và cốt lõi, có kĩ năng thực hiện, có thái độ, giá trị, đồng cơ, hứng thú để HS hoàn thành những nhiệm vụ gắn với thực tiễn cuộc sống của chính các em.

* Một số đặc điểm của CT TCNL:

a) Về mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mục tiêu của TCNL được cụ thể hóa thành những NL người học cần đạt sau cả bậc phổ thông và sau từng cấp học, qua mục tiêu CT của từng môn học cũng như các hoạt động giáo dục. Các NL chung như *tư duy phê phán, sáng tạo, tự học, tự quản lý bản thân, hợp tác, giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, ...* được chú trọng, phản ánh xuyên suốt trong CT các lĩnh vực học tập/môn học. Chuẩn đầu ra của GDPT, chuẩn đầu ra các môn học phải cụ thể hóa các NL cần đạt, đáp ứng được

yêu cầu phát triển NL người học.

Trong nhiều NL chung có NL văn hóa. Trong chương trình GDPT của Việt Nam, NL văn hóa được phát triển ở một số môn. Những thành tố của NL văn hóa có mặt ở nhiều môn học và lĩnh vực học như: Ngôn ngữ (tiếng phổ thông và tiếng mẹ đẻ), Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Chương trình giáo dục ở các trường nước ngoài là chương trình cho HS đã được gia nhập vào Việt Nam trong NL này ít có điều kiện thể hiện trong các môn học. Đây là điều đòi hỏi cần phải có một mục tiêu, một môn học phát triển NL văn hóa mang bản sắc Việt Nam cho HS Việt Nam ở những trường này.

b) Về nội dung TCNL

- TCNL có tính tích hợp cao. Tích hợp thể hiện qua việc xây dựng các môn học tích hợp; các lĩnh vực học tập; đưa ra các "chủ đề học tập" rộng, liên môn và gắn với những vấn đề thực tiễn, những vấn đề mang tính toàn cầu (như sức khỏe, môi trường, người tiêu dùng, công dân và cuộc sống cộng đồng, hiểu biết quốc tế và hòa bình, thể giới công việc, thông tin và truyền thông, ...). Sự tích hợp có thể thực hiện trong "nội bộ" môn học hoặc giữa các kiến thức, kĩ năng của nhiều lĩnh vực khác (như xây dựng các chủ đề phức hợp, các chủ đề gắn với thực tiễn; tích hợp giáo dục ngôn ngữ, toán học, công nghệ thông tin và truyền thông, ...).

- CT có tính phân hóa, hướng tới cá nhân người học. Tính phân hóa thể hiện ở: 1/ Có những nội dung CT được hướng dẫn cụ thể riêng cho các đối tượng (nhóm có khó khăn trong học tập, nhóm có năng khiếu, ...); 2/ Bên cạnh phần nội dung "bắt buộc" có phần nội dung "tự chọn" đáp ứng nhu cầu phát triển NL, khuyến khích, sở thích cá nhân HS, tạo điều kiện cho các em phát triển tối đa điểm năng của mình; 3/ Có phần nội dung do địa phương, nhà trường xây dựng phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn; 4/ Tạo sự thuận lợi cho HS được học tập theo "nhịp độ" phù hợp với khả năng bản thân; 5/ Quan tâm tới sự đa dạng giữa các vùng miền, các đối tượng người học; có phép có sự lựa chọn nội dung, cách thức thực hiện CT linh hoạt, mềm dẻo.

- CT có tính phổ thông, cơ bản, cần thiết, toàn diện để đảm bảo mỗi cá nhân phát huy được tối đa điểm năng; có những kiến thức, kĩ năng cần thiết cho cuộc sống xã hội hiện đại, cho "học tập suốt đời".

- Nội dung CT phù hợp, thiết thực với người học. Khối lượng, mức độ nội dung của CT cần phù hợp với sự phát triển tâm sinh lí HS ở từng giai đoạn học tập. Việc xác định nội dung không chỉ thuần túy chỉ phải bởi logic khoa học bộ môn mà còn cần tham chiếu tới các chủ đề học tập rộng, liên môn và các NL chung. Nội dung thể hiện tính thiết thực; chú ý tới hình thành, phát triển khả năng vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống của người học; các tính huống thực tế có thể được gợi ý một cách rõ ràng trong các chủ đề. Qua đó, HS cũng nhận thức việc học mang lại lợi ích và có ý nghĩa đối với cuộc sống hiện tại và tương lai của các em, do đó

các em sẽ có thái độ tích cực đối với việc học tập và tạo cơ sở cho học tập suốt đời.

Cần chú vào những đặc điểm về nội dung của TCNL nêu trên, chương trình môn *Việt Nam học* sẽ thiết kế nội dung học tập thành các chủ đề học tập xuyên suốt nhiều lớp học, cấp học. Sự phân chia các chủ đề học tập dựa trên nguyên tắc tập trung vào mục tiêu NL, nghĩa là tập trung hỗ trợ HS hiểu những điều cần và có thể làm được, hỗ trợ HS làm để thể hiện mình có NL văn hóa mang bản sắc Việt Nam. Sự phân chia này cũng dựa trên cơ sở khái niệm cơ bản về văn hóa, các thành tố của văn hóa, các thuộc tính của văn hóa. Chương trình môn học được thiết kế theo hướng phân cấp để đảm bảo tính khả thi của chương trình với những đối tượng HS khác nhau về nhịp độ phát triển, để đảm bảo tính phù hợp của chương trình với đặc điểm, bối cảnh, điều kiện dạy học ở từng trường. Do đó, chương trình được thiết kế dưới hình thức **khung chương trình** chung cho toàn quốc. Khung này bao gồm các thành tố: *Mục tiêu; Nội dung và phạm vi của những nội dung (Chuẩn nội dung); Hướng dẫn đánh giá kết quả học NL; Hướng dẫn phương pháp dạy học để phát triển NL.* Trên cơ sở khung này, CT chi tiết sẽ do các trường biên soạn. Trong mỗi CT chi tiết, người soạn có thể lựa chọn những nội dung cụ thể khác nhau cho mỗi nội dung mang tính tổng hợp và khái quát ở CT khung. Tùy vào điều kiện của trường, có thể một ít lệ nhỏ của CT khung được trường chuyển thành nội dung tự chọn. Tùy vào đặc điểm của trường, có thể có một ít lệ nhỏ nội dung được đưa thêm vào CT chi tiết so với CT khung như là những nội dung tự chọn.

c) Về đánh giá kết quả học tập của HS

TCNL chú ý tới đánh giá các thành tố khác nhau của NL như: kiến thức, kỹ năng, giá trị, thái độ ... TCNL không chỉ tập trung vào đánh giá việc ghi nhớ kiến thức; cũng không chỉ quan tâm tới đánh giá những kiến thức, kỹ năng môn học riêng lẻ mà còn quan tâm tới đánh giá NL thể hiện trong việc HS dùng những kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết nhiệm vụ cụ thể như thế nào ở các bối cảnh, tình huống phức hợp trong thực tiễn. TCNL không chỉ đánh giá kết quả ở cuối mỗi giai đoạn học tập mà còn đánh giá cả quá trình đi đến kết quả, coi trọng đánh giá quá trình bởi đánh giá quá trình có chức năng liên tục hỗ trợ HS nâng cao NL của mình. TCNL có hướng dẫn đánh giá các mức độ đạt được về NL bằng những công cụ đa dạng ... TCNL chỉ trong hoạt động tự đánh giá của HS, do đó CT phối hợp đánh giá của GV và tự đánh giá của HS. TCNL có chỉ dẫn cách sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá để cải thiện chất lượng dạy học.

Cần chú vào đặc điểm đánh giá NL của TCNL, chương trình môn *Việt Nam học* thực hiện đánh giá kết quả giáo dục theo khung đánh giá NL. Để đánh giá kết quả học tập của HS ở phương diện NL, cần phải thực hiện cả hai loại đánh giá thường xuyên (thực hiện chủ yếu trên các bài học) và đánh giá tổng kết (thực hiện vào cuối học kỳ, cuối năm) với nhiều công cụ đa dạng dành cho các chủ thể đánh giá là HS và GV. Các loại đánh giá đều tập trung vào những chi số, tiêu chí chất lượng của các thành tố NL văn hóa được phát triển trong bộ môn này. Trên cơ sở nội dung chi tiết của CT, các địa phương, nhà trường, GV sẽ chọn những công cụ đánh giá thích hợp với từng loại đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết, lập ma trận mô tả các chi số và mức chất lượng của từng thành tố để thực hiện đánh giá kết quả học tập của HS.

d) Về phương pháp dạy học

TCNL chú trọng tới yêu cầu sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; chú ý cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào các tình huống thực tiễn, các tình huống có tính "phức hợp" (đòi hỏi sự vận dụng

phối hợp kiến thức, kỹ năng từ các lĩnh vực khác nhau - hành động trong các bối cảnh, tình huống), tìm tòi khám phá, nghiên cứu, thực hiện các dự án học tập, thảo luận, thuyết trình, ... qua đó phát triển NL của HS (NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, ...). HS được tham gia các hình thức "học tập cá nhân", "học hợp tác", được rèn kỹ năng học tập, có thái độ tích cực đối với việc học; tăng cường các hình thức tổ chức hoạt động GD với sự tham gia, phối hợp, gắn kết của cộng đồng; quan tâm ứng dụng có hiệu quả về công nghệ thông tin; chú ý dạy học "hướng tới từng đối tượng HS".

Cần chú vào các đặc điểm về phương pháp dạy học của TCNL, chương trình môn *Việt Nam học* khuyến khích GV dùng nhiều hình thức tổ chức dạy học (dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp), dùng nhiều biện pháp tổ chức hoạt động học tập cho HS (trải nghiệm sáng tạo, đóng nhào, thuyết trình tích cực, chia sẻ thông tin, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đóng vai, làm dự án nhỏ...) trong dạy học. GV có quyền lựa chọn biện pháp, kỹ thuật dạy học để thực hiện bài học cho phù hợp với bối cảnh dạy học của lớp mình và phù hợp với đặc điểm của nhóm hoặc cá nhân HS trong lớp. Dù chọn phương pháp và kỹ thuật dạy học nào thì mục tiêu cao nhất của sự chọn lựa này cũng là để HS được học bằng hoạt động trải nghiệm, hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Chương trình hướng phương pháp dạy học nhằm hỗ trợ HS hiểu, HS làm, HS giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, HS tự học và hợp tác trong học tập để phát triển.

e) Về phân cấp thiết kế và thực hiện CT quốc gia, CT địa phương, CT nhà trường

CT quốc gia được Bộ GD&ĐT tổ chức xây dựng và ban hành. CT nhà trường (CNTN) là sự cụ thể hóa từ CT quốc gia để phù hợp với điều kiện của từng nhà trường, trên cơ sở quy định cụ thể về thời lượng và những nội dung được phép điều chỉnh hoặc bổ sung.

Phát triển CNTN là quá trình liên tục (bao gồm đánh giá, điều chỉnh); do tập thể cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường thực hiện với sự tham gia từ văn, góp ý, ... của các đối tượng liên quan (phụ huynh, HS, ban quản trị, cộng đồng địa phương, tư vấn, ...), dưới sự hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục phương hoặc cơ quan quản lý giáo dục quốc gia.

CNTN của các trường khác nhau có những điểm khác biệt. Tuy nhiên, sự thống nhất giữa các CNTN là cơ bản, sự thống nhất đó được thể hiện bằng việc các CNTN đều phải đạt được mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CT quốc gia. Căn cứ vào cách phân cấp trong biên soạn CNTN, chương trình môn *Việt Nam học* được soạn thảo theo hai cấp: CT quốc gia do Bộ GD&ĐT biên soạn mang tính chất của một chương trình khung, CNTN do cán bộ quản lý, GV soạn thảo có sự tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý GD địa phương và cộng đồng. Chương trình này chính là chương trình khung, cần có vào khung này, các địa phương hướng dẫn những trường triển dạy bản của mình biên soạn CNTN cho phù hợp với đặc điểm của địa phương và của từng trường. Các CNTN phải đảm bảo thống nhất, nhất quán, cơ sở CT quốc gia ở mục tiêu, chuẩn nội dung, ở các chi số, tiêu chí đánh giá NL văn hóa được phát triển trong môn học này.

3. Cơ sở về mục tiêu, nội dung đào tạo của trường nước ngoài tại Việt Nam

Do các trường đào tạo HS đa quốc tịch nên hầu hết những trường nước ngoài đều xác định sứ mệnh của trường là đào tạo HS thành những công dân tương lai có NL thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Trên lĩnh vực này, các trường đều có mục tiêu

đào tạo HS trở thành những người có thể sống hòa hợp được trong môi trường đa văn hóa, đa sắc tộc, biết tôn trọng bản thân và tôn trọng người khác, biết thừa nhận những sự khác biệt về văn hóa. Tuyên ngôn sứ mệnh của *Tổ chức TƯ tài Quốc tế - tổ chức biên soạn chương trình đào tạo HS ở các trường quốc tế trên toàn cầu* (chương trình IB) [3] như sau:

Bảng các chương trình học tập toàn diện và cân bằng cùng với những phương pháp đánh giá kết quả học tập hấp dẫn, Tổ chức TƯ tài Quốc tế hướng tới việc trợ giúp các trường học trong nỗ lực xây dựng những tài năng trẻ và truyền dạy cho các em cách thức gắn việc học tập trên lớp với thực tiễn của thế giới bên ngoài. Vượt trên các tiêu chuẩn cao trong học tập là sự chú trọng đến mô hình lý tưởng về sự hiểu biết và trách nhiệm công dân quốc tế mà mục đích cuối cùng là HS của IB có thể trở thành những người biết tư duy phân biệt, những người học tập cả đời và những người thực hành có đủ tri thức trong các công việc trong nước và quốc tế, có ý thức về tình nhân văn đã gắn kết con người lại với nhau và tôn trọng sự đa dạng văn hóa và quan điểm đã tạo nên cuộc sống phong phú của con người.

Văn hóa của nhà trường quốc tế học theo chương trình IB là thích ứng, phản ánh và tôn vinh những văn hóa có trong trường. Chương trình IB cung cấp cho HS khả năng tiếp cận với các nền văn hóa, quan điểm, ngôn ngữ khác nhau. Riêng về lịch sử và văn hóa, chương trình IB chú trọng nội dung này trong các lĩnh vực học tập ngôn ngữ, nghiên cứu xã hội, nghệ thuật.

- Chương trình phân Nghiên cứu xã hội của IB bao gồm những nội dung giúp HS xây dựng bản sắc cá nhân, gia đình, dân tộc và văn hóa của mình; giúp HS đưa ra những quyết định đầy đủ và hợp lý đối với lớp học của mình trong bối cảnh nhà trường và thế giới... Nghiên cứu xã hội có nội dung khám phá những điểm chung và đa dạng của con người bằng cách sử dụng quan điểm và trải nghiệm của các gia đình, của các nhân viên là người nước chủ nhà và của xã hội nước chủ nhà.

- Về lịch sử, chương trình IB có những nội dung liên quan đến lịch sử nước chủ nhà như: các cá nhân có ảnh hưởng đến xã hội hiện tại nói chung và ảnh hưởng đến xã hội của nước chủ nhà nói riêng.

- Về văn hóa, chương trình IB có các nội dung liên quan đến văn hóa của nước chủ nhà như: Tìm hiểu về truyền thống, tập quán, thể chế, giá trị và niềm tin, kỳ vọng, ngôn ngữ và vật dụng của xã hội bản thân HS và các xã hội khác.

- Về ngôn ngữ, Chương trình IB có những nội dung sau liên quan đến văn hóa và ngôn ngữ của nước chủ nhà:

+ Cung cấp sự hỗ trợ cho ngôn ngữ giảng dạy và cho tiếng mẹ đẻ của HS.

+ Tạo cơ hội học thêm các ngôn ngữ khác, nhất là ngôn ngữ của nước chủ nhà.

- Về nghệ thuật, chương trình IB có những nội dung liên quan đến văn hóa của nước chủ nhà, bao gồm: Cảm thụ âm nhạc, trình diễn các bài hát, trích đoạn kịch của nhiều vùng khác nhau trên thế giới và của nước chủ nhà.

Những nội dung về lịch sử và văn hóa trong chương trình IB và chương trình của một số nước đang thực hiện ở các trường nước ngoài tại Việt Nam đều dành một số nội dung học về lịch sử, văn hóa của nước chủ nhà, về ngôn ngữ mẹ đẻ của HS nước chủ nhà. Điều này cho thấy thực tế thiết kế một chương trình học về Việt Nam với vai trò là môn học về lịch sử và văn hóa của nước chủ nhà là việc làm đáp ứng mục tiêu đào tạo, phù hợp với nội dung đào tạo HS của các trường này.

4. Cơ sở về văn hóa và giáo dục văn hóa trong nhà trường phổ thông

Các khái niệm *Văn hóa, Việt Nam học* là những khái niệm rất rộng. Tuy nhiên, giáo dục văn hóa Việt Nam trong nhà trường phổ thông học theo chương trình nước ngoài ở Việt Nam không thể có mục tiêu tham vọng phát triển ở HS những NL văn hóa mang tính chuyên sâu. Nhiệm vụ của GDPT là phát triển cho HS các NL ở mức cơ bản, phù hợp với độ tuổi của HS. Căn cứ vào khoa học nghiên cứu về Văn hóa, về Việt Nam, chương trình Việt Nam học tập trung chủ yếu vào mục tiêu hình thành và phát triển NL văn hóa mang bản sắc Việt Nam. Nội dung CT này được thiết kế dựa trên nhiều căn cứ, trong đó có căn cứ về các khái niệm sau đây: *NL văn hóa, Việt Nam học, Văn hóa dân gian, Văn hóa truyền thống, Văn hóa vật thể, Văn hóa phi vật thể, Di sản văn hóa, Đời sống văn hóa, Địa-Văn hóa, Du lịch văn hóa và Văn hóa du lịch, Bản sắc văn hóa, Văn hóa ẩm thực, Tín ngưỡng - Tôn giáo, Phong tục - tập quán, Giao lưu/giao thoa văn hóa, Nghệ thuật dân gian, Liên văn hóa*. Trong số những khái niệm trên thì khái niệm cốt lõi là khái niệm NL văn hóa: *đó là gọi các giá trị và các kỹ năng cho phép con người sống và làm việc hiệu quả trong một bối cảnh đa văn hóa và toàn cầu hóa* [4].

Trên cơ sở các khái niệm, nội dung của CT này được hình thành bởi những mạch sau: Thiên nhiên Việt Nam; Lịch sử văn hóa; Đời sống văn hóa; Diễn biến các di sản văn hóa. Sự tích hợp thể hiện chủ yếu trong việc xác định các chủ đề học tập ở từng mạch và nội hàm của từng chủ đề. CT này sau khi được phê duyệt sẽ là cơ sở để biên soạn tài liệu dạy học cho HS và GV, là cơ sở để biên soạn các công cụ đánh giá kết quả học tập của HS, là cơ sở để quản lý chất lượng dạy học môn Việt Nam học dành cho HS học tại các trường nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn sau năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Luật Giáo dục.
- [2]. Bộ GD&ĐT, (2014), *Tài liệu Hội thảo xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực HS*.
- [3]. Tổ chức tư tài quốc tế, (2001), *Chương trình IB*.
- [4]. David Killick và Leslie, (2010), *Đạo cáo đánh giá về năng lực văn hóa xuyên suốt quá trình đào tạo*, Đại học Ma Cao.
- [5]. Tổ chức tư tài quốc tế (IBO), (2000), *Chương trình tiểu học*.
- [6]. Tổ chức tư tài quốc tế (IBO), (2011), *Chương trình trung học*.
- [7]. *Chương trình nhà trường môn Tiếng Việt của trường Hanoi International School*, 2014.

SUMMARY

Project 'General curriculum and textbook renewal' aimed to compile Vietnamese study subject towards students' competence development at international schools in Vietnam. This curriculum was based on scientific foundation in terms of competence-based curriculum design and basic theory of Vietnamese study. The article analyses theoretical foundation of Vietnamese study curriculum design for Vietnamese students at the international schools in Vietnam, includes: viewpoints on education; competence-based curriculum; foundation of objective, training content of foreign institutions in Vietnam; culture and cultural education at schools.

Keywords: Curriculum; educational program; international schools; competence-based approach; Vietnamese study subject.